

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý III/2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: đồng)

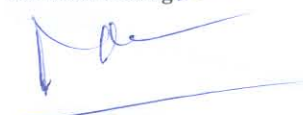
STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối quý
I	Tài sản ngắn hạn	1.459.956.808.298	1.275.806.827.675
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	55.372.304.550	80.494.322.527
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	89.422.122.000	57.723.324.597
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	85.250.813.645	180.199.729.999
4	Hàng tồn kho	1.200.438.741.708	946.946.686.267
5	Tài sản ngắn hạn khác	29.472.826.395	10.442.764.285
II	Tài sản dài hạn	120.745.009.714	211.913.226.323
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	3.644.337.520	3.109.272.402
	TSCĐ hữu hình	3.619.053.809	3.098.234.651
	TSCĐ vô hình	25.283.711	11.037.751
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	114.101.068.786	194.254.862.397
5	Tài sản dài hạn khác	2.999.603.408	14.549.091.524
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.580.701.818.012	1.487.720.053.998
IV	Nợ phải trả	1.370.097.245.887	1.213.259.723.512
1	Nợ ngắn hạn	1.016.307.831.395	839.461.161.536
2	Nợ dài hạn	353.789.414.492	373.798.561.976
V	Vốn chủ sở hữu	210.604.572.125	274.460.330.486
1	Vốn chủ sở hữu	209.713.053.277	273.632.341.638
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.832.850.000	200.832.850.000
-	Thặng dư vốn cổ phần	18.900.400.000	18.900.400.000
-	Cổ phiếu quỹ	(20.454.850.000)	(20.481.850.000)
-	Quỹ đầu tư phát triển	1.254.315.017	1.254.315.017
-	Quỹ dự phòng tài chính	3.438.803.967	3.438.803.967
-	Lợi nhuận chưa phân phối	5.741.534.293	69.687.822.654
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	891.518.848	827.988.848
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.580.701.818.012	1.487.720.053.998

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Quý III/2009	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	585.387.652.296	642.924.260.057
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	633.600.000	633.600.000
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	584.754.052.296	642.290.660.057
4	Giá vốn hàng bán	520.251.456.277	556.011.126.359
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.502.596.019	86.279.533.698
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4.776.189.158	7.640.725.655
7	Chi phí tài chính	1.514.492.333	2.341.004.985
8	Chi phí bán hàng	1.100.615.035	2.628.458.932
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.979.414.712	19.902.387.491
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	59.684.263.097	69.048.407.945
11	Thu nhập khác	18.578.013.497	20.296.095.542
12	Chi phí khác	2.939.685.200	3.243.523.576
13	Lợi nhuận khác	15.638.328.297	17.052.571.966
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.322.591.394	86.100.979.911
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.780.798.994	22.154.691.550
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.541.792.400	63.946.288.361
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.851	3.224

Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2009

Tổng giám đốc